

Số: 03/TB-BQLDA

Hồng Vân, ngày 20 tháng 01 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc công khai Dự thảo Phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB để thực hiện Dự án: Đường liên thôn từ Công Thượng đến ngã ba Đa Tán xã Hà Hồi, huyện Thường Tín, TP Hà Nội (nay là xã Hồng Vân, thành phố Hà Nội)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2024;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ các Quyết định của UBND thành phố Hà Nội: số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 về việc ban hành một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 38/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định ban hành kèm theo quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 10/2026/QĐ-UBND ngày 18/01/2026 ngày 18/01/2026 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND Thành phố quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố.

Căn cứ Thông báo thu hồi đất ngày 05/6/2025 của UBND huyện Thường Tín về việc: Thông báo thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để thực hiện dự án: Đường liên thôn từ Công Thượng đến ngã ba Đa Tán xã Hà Hồi, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

Trên cơ sở Sổ thống kê diện tích, Bản đồ phục vụ công tác giải phóng mặt bằng do Công ty Cổ phần trắc địa bản đồ Sông Hồng lập đã được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận; Biên bản điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm đất đai, tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng; Biên bản làm việc về việc xác minh nguồn gốc sử dụng đất, các tài sản gắn liền với đất trong phạm vi thực hiện dự án;

Ban Quản lý dự án Đầu tư – Hạ tầng lập dự thảo và thông báo công khai Dự thảo Phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự

án: Đường liên thôn từ Công Thượng đến ngã ba Đa Tán xã Hà Hồi, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

(Có Dự thảo Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ TĐC kèm theo)

Thời gian công khai: 10 ngày từ ngày 21/01/2026 đến ngày 31/01/2026.

Địa điểm công khai: Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Hồng Vân, Nhà văn hóa thôn nơi có đất thu hồi và trên hệ thống đài truyền thanh của xã.

Ban Quản lý dự án Đầu tư – Hạ tầng xã Hồng Vân thông báo để các tổ chức, cá nhân có liên quan biết và thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:

- UBND xã Hồng Vân (đề B/c);
- Phòng Kinh tế (đề P/h);
- Nhà văn hóa: xóm Phạm Hồng Thái; xóm Quang Trung, xóm Thượng Hiền, xóm Nguyễn Trãi (đề T/H);
- Lưu: VT.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



***Nguyễn Quốc Việt**

Số: /PA-QLDA

Hồng Vân, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

PHƯƠNG ÁN

Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Đường liên thôn từ Cổng Thượng đến ngã ba Đa Tán xã Hà Hồi, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

(Kèm theo Thông báo số 03 /BQLDA ngày 20 tháng 01 năm 2026 của Ban QLDA Đầu tư - Hạ tầng)

ỦY BAN NHÂN XÃ HỒNG VÂN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ các Quyết định của UBND thành phố Hà Nội: số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 về việc ban hành một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 38/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định ban hành kèm theo quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 10/2026/QĐ-UBND ngày 18/01/2026 ngày 18/01/2026 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND Thành phố quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố.

Căn cứ Quyết định số 51/2025/QĐ-UBND ngày 21/8/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành Phố về việc Ban hành đơn giá xây dựng mới về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất để làm căn cứ tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; Thông báo số 2461/TB-SNNMT ngày 31/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc Thông báo mức giá tối đa làm cơ sở tính bồi thường, hỗ

trợ cho từng nhóm cây trồng, vật nuôi là thủy sản không di chuyển được khi Nhà Nước thu hồi đất năm 2026.

Căn cứ Nghị Quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định về Bảng giá đất lần đầu để công bố và áp dụng từ ngày 01 tháng 02 năm 2026 trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Căn cứ Quyết định số 89/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành hệ số điều chỉnh giá đất làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Căn cứ Quyết định của UBND xã Hà Hồi số 210/QĐ-UBND ngày 22/9/2023 về việc phê duyệt dự án: Đường liên thôn từ Cổng Thượng đến ngã ba Đa Tán xã Hà Hồi, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội, (nay là xã Hồng Vân, thành phố Hà Nội).

Căn cứ Bản định vị mốc (phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư) của Sở Tài nguyên và Môi trường ngày 18/6/2024;

Căn cứ Thông báo thu hồi đất ngày 05/6/2025 của UBND huyện Thường Tín về việc: Thông báo thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để thực hiện dự án: Đường liên thôn từ Cổng Thượng đến ngã ba Đa Tán xã Hà Hồi, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

Trên cơ sở Sổ thống kê diện tích, Bản đồ phục vụ công tác giải phóng mặt bằng do Công ty Cổ phần trắc địa bản đồ Sông Hồng lập đã được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận; Biên bản điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm đất đai, tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng; Biên bản làm việc về việc xác minh nguồn gốc sử dụng đất, các tài sản gắn liền với đất trong phạm vi thực hiện dự án;

Ban quản lý dự án Đầu tư - Hạ Tầng xây dựng dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án: Đường liên thôn từ Cổng Thượng đến ngã ba Đa Tán xã Hà Hồi, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội như sau:

I. Diện tích đất thu hồi thực hiện dự án là 3.632 m². Trong đó:

+ Diện tích đất NN giao cho 31 hộ gia đình, cá nhân là: 1.469,9 m².

+ Diện tích do UBND xã quản lý: 2.162,1 m².

1. Họ tên người sử dụng đất, người sở hữu tài sản trên đất: Có danh sách kèm theo

2. Địa chỉ nơi thu hồi đất: Từ Cổng Thượng đến ngã ba Đa Tán, xã Hà Hồi, thành phố Hà Nội. (nay là xã Hồng Vân, thành phố Hà Nội).

II. Đơn giá bồi thường, hỗ trợ GPMB:

1. Đối với đất nông nghiệp giao cho các hộ gia đình, cá nhân.

Thực hiện theo Quyết định số Căn cứ Nghị Quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định về Bảng giá đất lần đầu để công bố và áp dụng từ ngày 01 tháng 02 năm 2026 trên địa

bàn thành phố Hà Nội; Căn cứ Quyết định số 89/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành hệ số điều chỉnh giá đất làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội. Đơn giá bồi thường là 155.000 đồng/m².

2. Bồi thường hoa màu trên đất:

Đơn giá bồi thường, hỗ trợ: Thực hiện theo Thông báo số 2461/TB-SNNMT ngày 31/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội về việc mức giá tối đa làm cơ sở tính bồi thường, hỗ trợ cho từng nhóm cây trồng, vật nuôi là thủy sản không di chuyển được khi Nhà nước thu hồi đất năm 2026.

3. Các chính sách hỗ trợ:

Thực hiện theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành quy định các nội dung thuộc thẩm quyền của UBND thành phố Hà Nội về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội.

3.1. Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm:

Theo Điều 109 Luật Đất đai 2024, Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính Phủ và Khoản 1 Điều 16 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 6/9/2024.

“Mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp thu hồi đất nông nghiệp của các hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp bằng 5 (năm) lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất của UBND Thành phố.”

3.2. Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng:

Theo Khoản 7 Điều 111 Luật Đất đai và Điều 1 Quyết định số 10/2026/QĐ-UBND ngày 18/01/2026.

“ Đối với người sử dụng đất nông nghiệp là hộ gia đình, cá nhân có đủ điều kiện được bồi thường về đất theo quy định, đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, bàn giao mặt bằng đúng tiến độ thì được thưởng 10.000đ/m², nhưng không quá 10.000.000đ/người sử dụng đất.”

3.3. Hỗ trợ ổn định đời sống khi Nhà nước thu hồi đất.

Theo Điều 108 Luật Đất đai 2024 và Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính Phủ.

“ Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp nếu đủ điều kiện được bồi thường về đất thì được hỗ trợ ổn định đời sống như sau:

Thu hồi từ 30% đến 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 6 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 12 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển đến vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt

khó khăn thì thời gian hỗ trợ tối đa là 24 tháng. Đối với trường hợp thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 12 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 24 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển đến vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ tối đa là 36 tháng;

Mức hỗ trợ cho một nhân khẩu quy định tại điểm a và điểm b khoản này được tính bằng tiền tương đương 30 kg gạo trong 01 tháng theo thời giá trung bình tại thời điểm hỗ trợ của địa phương “.

III. Kinh phí để thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB.

1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:	=	227.834.500 đ
- Bồi thường đất NN giao cho các hộ gia đình, cá nhân theo ND 64/CP	=	227.834.500 đ
- Bồi thường, hỗ trợ đối với đất do UBND xã quản lý	=	0 đ
2. Bồi thường, hỗ trợ hoa màu trên đất:	=	6.824.585 đ
3. Các chính sách hỗ trợ	=	1.053.914.700 đ
- Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm	=	1.049.505.000 đ
- Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng đúng thời gian	=	14.699.000 đ
- Hỗ trợ ổn định đời sống khi Nhà nước thu hồi đất	=	0 đ
4. Tổng kinh phí BT, HT GPMB (1+2+3)	=	1.298.863.085 đ

(Bằng chữ: Một tỷ, hai trăm chín mươi tám triệu, tám trăm sáu mươi ba nghìn, không trăm tám mươi năm đồng chẵn./)

Nguồn kinh phí do ngân sách thành phố chuyển về cho Ban Quản lý dự án Đầu tư – Hạ tầng để chi trả bồi thường, hỗ trợ cho các đối tượng theo quy định.

IV. Thời gian thực hiện. Quý I năm 2026.

V. Tổ chức thực hiện.

Ban Quản lý dự án Đầu tư – Hạ tầng trực tiếp chi trả cho các đối tượng được bồi thường, hỗ trợ GPMB thực hiện dự án./.

Nơi nhận:

- UBND xã Hồng Vân; (để b/c)
- Phòng Kinh tế (để b/c);
- Lưu VT.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Quốc Việt

DANH SÁCH CÁC HỘ GIA ĐÌNH CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI

Dự án: Đường liên thôn từ Công Trường đến ngã Ba Đa Tân, xã Hà Hồi
Địa điểm: xã Hồng Vân, thành phố Hà Nội

STT	Tên người sử dụng đất	Vị trí thu hồi BD GPMB			Vị trí thu hồi 1993			Tổng DT được giao đang sử dụng (m ²)	DT thu hồi (m ²)	Tỷ lệ % thu hồi	DT đang sử dụng (m ²)	BT đất	BT hoa màu, VKT	Hỗ trợ nghề	Ôn định Đốt sống	Thưởng	Tổng tiền BT, HT	Ghi chú
		Từ bản đồ GPMB	Diện tích HSKT	Số thửa GPMB	Từ bản đồ địa chính	Diện tích	số thửa											
1	Đất nông nghiệp của các hộ							1.469,9								14.699,000	1.298.863,085	
2	Đặng Văn Đình - (đã chết) DD Đỗ Văn Bắc	1	250,0	11	326	237/1	1.878,0	39,2	2,1	1878,0	6.076.000	0	30.380.000	0	392.000	36.848.000	TS	
3	Nguyễn Thị Hoa	1	163,0	13	163	237/02	326,0	29,7	9,1	326,0	4.603.500	0	23.017.500	0	297.000	27.918.000	Đất trống	
4	Đặng Văn Nhâm (đã chết) - DD vợ là Ưng Thị Lan	1	218,0	14	218	237/04	323,0	61,7	19,1	323,0	9.563.500	444.570	47.817.500	0	617.000	58.442.570	Rau Cãi	
5	Đặng Văn Hương (đã chết) DD ông Đặng Văn Hào	1	216,0	20	216	253+256	536,0	74,7	19,7	536,0	11.578.500	0	57.892.500	0	747.000	70.218.000	TS	
6	Đặng Văn Hào	1	36,0	40	36	277		30,7			4.758.500		23.792.500	0	307.000	28.858.000	Đất trống	
7	Nguyễn Thế Tường (đã chết) DD Nguyễn Thế Tiến	1	72,0	18	144	247+248	383,0	20,3	5,3	383,0	3.146.500	272.150	15.732.500	0	203.000	19.354.150	Cây trồng + TS	
8	Lê Trung Dũng (đã chết) DD Lê Trung Dũng	1	72,0	21	180	254+246	1.330,0	25,8	1,9	1330,0	3.999.000	0	19.995.000	0	258.000	24.252.000	TS	
9	Đặng Văn Quý	1	273,0	17	273	237/3	1.845,0	37,4	2,9	1845,0	5.797.000	1.594.200	28.985.000	0	374.000	36.750.200	Cây trồng + TS	
10	Nguyễn Khắc Hân (đã chết) DD Nguyễn Thị Anh	1	72,0	23	144	258+254	2.207,0	15,3	4,5	2207,0	2.371.500	148.275	11.857.500	0	153.000	14.530.275	Cây trồng + Rau ngọt	
11	Đỗ Thị Kinh (đã chết) DD Đặng Thị Kim Trung	1	107,8	27	108	264+257	807,8	83,1	10,3	807,8	12.880.500	1.142.500	0	0	831.000	14.854.000	LUC	
12	Đặng Văn Sinh (đã chết) DD Đặng Thị Quý	1	288,0	26	216	264+257	988,0	151,3	15,3	988,0	23.451.500	788.350	117.257.500	0	1.513.000	143.010.350	TS + rau muống, rau mùng	
13	Nguyễn Văn Tinh (đã chết) DD Nguyễn Văn Phái	1	180,0	29	180	263	820,0	33,1	4,0	820,0	5.130.500	342.000	25.652.500	0	331.000	31.456.000	TS+rau dáy	
14	Ưng Đình Chuyển (đã chết) DD Ưng Đình Hồng, Ưng Thị Út	1	144,0	31	216	265+266	1.403,0	93,0	6,6	1403,0	14.415.000	1.059.790	72.075.000	0	930.000	88.479.790	Rau muống	
15	Ưng Đình Phái (đã chết) DD Nguyễn Thị Lan	1	144,0	33	144	265+266	1.073,0	52,3	4,9	1073,0	8.106.500	547.200	40.532.500	0	523.000	49.709.200	TS + Rau dáy	
16	Đặng Văn Báo (đã chết) DD Đặng Văn Phúc	1	144,0	35	180	265+266	1.701,0	17,9	1,1	1701,0	2.774.500		13.872.500	0	179.000	16.826.000	Đất trống	
17	Đặng Văn Đình (đã chết) DD ông Đặng Quang Bạch	1	216,1	48	216	277	1.800,1	18,0	1,0	1800,1	2.790.000	0	13.950.000	0	180.000	16.920.000	TS	
18	Đỗ Duy Nhã (đã chết) DD Đỗ Thị Tín	1	252,0	37	288	277	2.348,1	146,2	6,2	2348,1	22.661.000		113.305.000	0	1.462.000	137.428.000	LUC	
19	Nguyễn Văn Đàng (đã chết) Nguyễn Văn Đạo	1	179,5	39	180	275	179,5	12,0	6,7	179,5	1.860.000		9.300.000	0	120.000	11.280.000	Đất trống	
20	Ưng Đình Chu (đã chết) DD Ưng Thị Nu	1	324,6	50	288	265+289	1.605,6	16,5	1,0	1605,6	2.557.500	143.550	12.787.500	0	165.000	15.653.550	Rau cải	

21	Nguyễn Văn Y (đã chết) DD Nguyễn Văn Lễ	1	36.0	62	1	252	289	572.0	32.6	5.7	572.0	5.053.000		0	0	326.000	5.379.000	Đất trồng
22	Nguyễn Hữu Du (đã chết) DD Nguyễn Hữu Hùng	1	180.0	51	1	180	288	1.647.0	130.0	7.9	1647.0	20.150.000	171.000	100.750.000	0	1.300.000	122.371.000	TS
23	Lý Văn Đậu (đã chết) DD Lý Văn Hậu	1	36.0	59	1	144	277	1.634.0	33.3	2.0	1634.0	5.161.500		25.807.500	0	333.000	31.302.000	Đất trồng
24	Phạm Thị Âm (đã chết) DD bà Ngô Thị Hà	1	36.0	65	1	108	290	1.683.0	10.1	0.6	1683.0	1.565.500		7.827.500	0	101.000	9.494.000	Đất trồng
25	Uông Văn Nhuận (đã chết) DD Uông Văn Oanh	1	108.2	46	1	252	288	750.0	79.8	10.6	750.0	12.369.000	171.000	61.845.000	0	798.000	75.183.000	TS+ rau muống
26	Nguyễn Văn Liên (đã chết) DD Nguyễn Văn Hiệp	1	144.0	67	1	144	290	2.569.0	0.4	0.0	2569.0	62.000	0	310.000	0	4.000	376.000	TS
27	Đặng Văn Ngân (đã chết) DD Đặng Văn Thược	1	360.0	72	1	360	292	2.462.1	5.1	0.2	2462.1	790.500		3.952.500	0	51.000	4.794.000	Đất trồng
28	Từ Văn Viết (đã chết) DD Từ Văn Bát	1	108.0	69	1		289		76.7			11.888.500		59.442.500	0	767.000	72.098.000	Đất trồng
		1	72.0	66	1	216	289	2.303.0	59.6	0.1	2303.0	9.238.000		46.190.000	0	596.000	56.024.000	
		1	36.0	74	1		289		32.1			4.975.500		24.877.500	0	321.000	30.174.000	
29	Trịnh Văn Sinh (đã chết) DD Trịnh Văn Thành	1	180.0	77	3	180	465	1.829.0	3.9		1829.0	604.500	0	3.022.500	0	39.000	3.666.000	LUC
30	Đặng Văn Lợn (đã chết) DD Bùi Thị Hòa	1	145.5	25	1	144	258+254	145.5	2.6	1.8	145.5	403.000		2.015.000	0	26.000	2.444.000	LUC
31	Đỗ Thị Qué DD Đỗ Duy Hiệp vợ là Lê Thị Yến	1	79.9	61	1		289	2.055.9	0.4	0.0	2055.9	62.000		310.000	0	4.000	376.000	Đất trồng
32	Từ Bá Thúc (đã chết) DD Từ Bá Soạn	1	180.0	70	1	108	289	1.374.0	45.1	3.3	1374.0	6.990.500	0	34.952.500	0	451.000	42.394.000	TS
II	Thu hồi đất do UBND xã quản lý								2.162.1				0				0	
1	UBND xã quản lý	1		4	LUC				201.9									
2	UBND xã quản lý	1		6	LUC				55.6									
3	UBND xã quản lý	1		8	LUC				5.2									
4	UBND xã quản lý	1		9	DGT				344.8									
5	UBND xã quản lý	1		10	LUC				52.6									
6	UBND xã quản lý	1		12	LUC				23.0									
7	UBND xã quản lý	1		15	LUC				47.6									
8	UBND xã quản lý	1		16	LUC				56.6									
9	UBND xã quản lý	1		19	LUC				22.4									
10	UBND xã quản lý	1		24	NTD				19.0									
11	UBND xã quản lý	1		34	DGT				10.8									
12	UBND xã quản lý	1		43	NTD				8.0									
13	UBND xã quản lý	1		44	NTD				5.3									

14	UBND xã quản lý	1	53	NTD		4,7											
15	UBND xã quản lý	1	55	NTD		5,3											
16	UBND xã quản lý	1	64	NTD		5,3											
17	UBND xã quản lý	1	68	NTD		5,3											
18	UBND xã quản lý	1	71	DYT		334,6											
19	UBND xã quản lý	1	73	DGT		417,1											
20	UBND xã quản lý	1	75	LUC		433,5											
21	UBND xã quản lý	1	76	LUC		60,1											
22	UBND xã quản lý	1	78	LUC		39,3											
23	UBND xã quản lý	1	79	LUC		4,1											
III	Tổng kinh phí bồi thường hỗ trợ GPMB (III+IV)															1.298.863.085	
	Bảng chữ Một tỷ, hai trăm chín mươi tám triệu, tám trăm sáu mươi ba ngàn, tám mươi lăm đồng chẵn																